



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25070018

Tên khách hàng/Customer's name: Chi nhánh tại tỉnh Kiên Giang - Công ty cổ phần Bệnh viện Đa
khoa Quốc tế Vinmec
Địa chỉ/Address: Khu Bãi Dài, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sinh hoạt phòng khám
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào chai nhựa PE nắp vặn, thể tích 3L;
Bảo quản lạnh
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Bể tập trung
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 30/06/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 02/07/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW3114B:2 023
2.	Clo dư	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2017
3.	Độ đục*	0,96	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	14,5	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,94	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Amoni (NH ₄ ⁺)	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
8.	Bor tính chung cho cả Borat và Axit boric	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
9.	Cadimi (Cd)*	<0,0005	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
10.	Chỉ số Pecmanganat	1,2	mg/L	2	TCVN 6186:1996
11.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
12.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
13.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	12,5	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
14.	Kẽm (Zn)*	<0,02	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
15.	Mangan tổng số (Mn)	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
16.	Natri (Na)	4,8	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
17.	Nhôm (Al)	0,071	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
18.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111 B:2017
19.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)	<0,1	mg/L	11	SMEWW 4500NO3- E: 2023
20.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,025	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
21.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017
22.	Selen (Se)	<0,01	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
23.	Sulfate (SO ₄)*	<2	mg/L	250	SMEWW 4500 SO42- E: 2023
24.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	<0,05	mg/L	0,05	SMEWW 4500 S2- B&D: 2023
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	18,3	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
26.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN- .E.2017
27.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
28.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
29.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
30.	Clorua	8,8	mg/L	250	TCVN 6194:1996
31.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
32.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
33.	Bromat*	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
34.	Dichloromethane*	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
35.	1,1,1 Tricloroethane*	<0,2	µg/L	2.000	US EPA 8260C
36.	Vinyl clorua*	<0,1	µg/L	0,3	US EPA 8260C
37.	1,2 - Dicloroethane*	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260C
38.	1,2 - Dicloroethene*	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260C
39.	Carbon tetrachloride*	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260C
40.	Tetracloroeten*	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260C

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
41.	Trichloroethene*	<0,5	µg/L	8	Us EPA Method 8260C
42.	Benzen*	<0,5	µg/L	10	Us EPA Method 8260C
43.	Ethylbenzene*	<0,5	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
44.	Phenol và dẫn xuất của phenol* (Pentachlorophenol)	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 8270D
45.	Styrene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
46.	Toluen*	<0,5	µg/L	700	Us EPA Method 8260C
47.	Xylen*	<0,5	µg/L	500	Us EPA Method 8260C
48.	1,2-Dichlorobenzene*	<0,5	µg/L	1.000	Us EPA Method 8260C
49.	Monoclorobenzen*	<0,1	µg/L	300	US EPA 8260C
50.	Tổng Trichlorobenzene*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
51.	Acrylamide*	<0,1	µg/L	0,5	US EPA Method 8032A
52.	Epichlorhydrin*	<0,1	µg/L	0,4	US EPA 8260C
53.	Hexachlorobutadiene*	<0,2	µg/L	0,6	US EPA 8260C
54.	1,2-Dibromo-3- Chloropropane*	<0,1	µg/L	1	US EPA 8260C
55.	1,2-Dichloropropane*	<1	µg/L	40	Us EPA Method 8260C
56.	1,3 - Dichloropropen*	<0,5	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
57.	2,4 - D*	<1	µg/L	30	US EPA Method 555
58.	2,4 - DB*	<2	µg/L	90	US EPA Method 555
59.	Alachlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
60.	Aldicarb*	<1	µg/L	10	US EPA Method 531.2
61.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine*	<0,02	µg/L	100	US EPA Method 525.3
62.	Carbofuran*	<0,01	µg/L	5	US EPA Method 8270D
63.	Chlorpyrifos*	<0,01	µg/L	30	US EPA Method 8270D
64.	Clodane*	<0,02	µg/L	0,2	US EPA Method 8270D
65.	Chlorotoluron*	<0,02	µg/L	30	US EPA Method 525.3
66.	Cyanazine*	<0,01	µg/L	0,6	US EPA Method 525.3
67.	DDT và các dẫn xuất*	<0,02	µg/L	1	US EPA Method 8270D

1160.
NH
TY
ME
AMPI
VITI
N-T

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
68.	Dichloprop*	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
69.	Fenoprop*	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
70.	Hydroxyatrazine*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
71.	Isoproturon*	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
72.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) *	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
73.	Mecoprop - MCPP*	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
74.	Methoxychlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
75.	Molinate*	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
76.	Pendimetalin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
77.	Permethrin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
78.	Propanil*	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
79.	Simazine*	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
80.	Trifuralin*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
81.	2,4,6 Trichlorophenol*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
82.	Bromodichloromethan e*	<1	µg/L	60	Us EPA Method 8260C
83.	Bromoform*	<0,5	µg/L	100	Us EPA Method 8260C
84.	Chloroform*	<1	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
85.	Dibromoacetonitrile*	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
86.	Dibromochlorometha ne*	<1	µg/L	70	Us EPA Method 8260C
87.	Dichloroacetonitrile*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
88.	Dichloroacetic acid*	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
89.	Formaldehyde*	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
90.	Monochloramine*	<0,03	mg/L	3.000	SMEWW4500Cl.G:2023
91.	Monochloroacetic acid*	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
92.	Trichloroacetic acid*	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
93.	Trichloroacetonitril*	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1

1-002
ẢNH
TNHI
ĐIC
ẢNH TÁC
C
P H A

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
94.	Tổng hoạt độ phóng xạ α *	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
95.	Tổng hoạt độ phóng xạ β *	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
96.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
97.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW 9213B-6c: H2023
98.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019
99.	<i>E.Coli</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER

KS. Nguyễn Văn Cường

ThS. Lương Thị Thu Hương



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25070019

Tên khách hàng/Customer's name: Chi nhánh Tại tỉnh Kiên Giang - Công ty cổ phần Bệnh viện Đa
khoa Quốc tế Vinmec
Địa chỉ/Address: Khu Bãi Dài, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang, Việt Nam
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước sinh hoạt phòng khám
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào chai nhựa PE nắp vặn, thể tích 3L;
Bảo quản lạnh
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Đầu vòi ăn uống bất kỳ
Ngày lấy mẫu/Date of sampling: 30/06/2025
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 02/07/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Khách hàng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Asen (As)	<0,001	mg/L	0,01	SMEWW3114B:2 023
2.	Clo dư	<0,05	mg/L	0,2 - 1	SMEWW 4500- C1.G:2017
3.	Độ đục*	1,78	NTU	2	TCVN 12402:2020
4.	Độ màu*	13,5	TCU	15	TCVN 6185C:2015
5.	pH*	7,86	-	6 - 8,5	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
6.	Amoni (NH ₄ ⁺)	<0,05	mg/L	1	SMEWW 4500- NH3.B&F:2017
7.	Bari (Ba)	<0,02	mg/L	1,3	SMEWW 3113B: 2023
8.	Bo tính chung cho cả Borat và Axit boric	<0,1	mg/L	2,4	TCVN 6635:2000
9.	Cadimi (Cd)*	<0,0005	mg/L	0,003	SMEWW 3113B: 2017
10.	Chỉ số Pecmanganat	1,3	mg/L	2	TCVN 6186:1996
11.	Crom tổng số (Cr)*	<0,002	mg/L	0,05	SMEWW 3113B: 2017
12.	Đồng tổng số (Cu)*	<0,1	mg/L	1	SMEWW 3111B:2017
13.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	14,9	mg/L	300	TCVN 6224 - 1996
14.	Kẽm (Zn)*	<0,02	mg/L	2	SMEWW 3111B:2017
15.	Mangan tổng số (Mn)	<0,1	mg/L	0,1	SMEWW 3111B: 2017

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
16.	Natri (Na)	3,8	mg/L	200	SMEWW 3111B: 2023
17.	Nhôm (Al)	0,070	mg/L	0,2	SMEWW 3113B: 2023
18.	Niken (Ni)*	<0,07	mg/L	0,07	SMEWW 3111 B:2017
19.	Nitrate (NO ₃ - tính theo N)	<0,1	mg/L	11	SMEWW 4500NO3- E: 2023
20.	Nitrite (NO ₂ - tính theo N)*	<0,025	mg/L	0,9	TCVN 6178-1996 (ISO 6777-1984)
21.	Sắt (Fe)*	<0,1	mg/L	0,3	SMEWW 3111 B:2017
22.	Selen (Se)	<0,01	mg/L	0,04	SMEWW 3114B: 2023
23.	Sulfate (SO ₄)*	<2	mg/L	250	SMEWW 4500 SO42- E: 2023
24.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	<0,05	mg/L	0,05	SMEWW 4500 S2- B&D: 2023
25.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	19,2	mg/L	1.000	SMEWW 2540C:2017
26.	Xyanua	<0,02	mg/L	0,05	SMEWW 4500 CN- .E.2017
27.	Mùi*	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	TCVN 9719:2013
28.	Antimon (Sb)	<0,005	mg/L	0,02	SMEWW 3113B: 2023
29.	Chì (Pb)*	<0,005	mg/L	0,01	SMEWW 3113 B:2017
30.	Clorua	8,4	mg/L	250	TCVN 6194:1996
31.	Florua*	<0,2	mg/L	1,5	SMEWW 4500 F-.B&D: 2017
32.	Thủy ngân (Hg)	<0,0002	mg/L	0,001	SMEWW 3112B:2023
33.	Bromat*	<3	µg/L	10	TCVN 9243:2012
34.	Dichloromethane*	<1	µg/L	20	Us EPA Method 8260C
35.	1,1,1 Tricloroethane*	<0,2	µg/L	2.000	US EPA 8260C
36.	Vinyl clorua*	<0,1	µg/L	0,3	US EPA 8260C
37.	1,2 - Dichloroethane*	<1	µg/L	30	Us EPA Method 8260C
38.	1,2 - Dichloroethene*	<0,5	µg/L	50	Us EPA Method 8260C
39.	Carbon tetrachloride*	<0,5	µg/L	2	Us EPA Method 8260C
40.	Tetracloroeten*	<0,5	µg/L	40	Us EPA Method 8260C

33110
CHI
ÔNG
II - P
RUNG T
INV
NG BIỂ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/ The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
68.	Dichloprop*	<2	µg/L	100	US EPA Method 555
69.	Fenoprop*	<1	µg/L	9	US EPA Method 515.4
70.	Hydroxyatrazine*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 525.3
71.	Isoproturon*	<0,02	µg/L	9	US EPA Method 525.3
72.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) *	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555
73.	Mecoprop - MCPP*	<2	µg/L	10	US EPA Method 555
74.	Methoxychlor*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8270D
75.	Molinate*	<0,01	µg/L	6	US EPA Method 525.3
76.	Pendimetalin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 8091
77.	Permethrin*	<0,01	µg/L	20	US EPA Method 525.3
78.	Propanil*	<1	µg/L	20	US EPA Method 532
79.	Simazine*	<0,01	µg/L	2	US EPA Method 525.3
80.	Trifuralin*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
81.	2,4,6 Trichlorophenol*	<0,02	µg/L	200	US EPA Method 8270D
82.	Bromodichloromethane*	<1	µg/L	60	Us EPA Method 8260C
83.	Bromoform*	<0,5	µg/L	100	Us EPA Method 8260C
84.	Chloroform*	<1	µg/L	300	Us EPA Method 8260C
85.	Dibromoacetonitrile*	<0,5	µg/L	100	US EPA Method 551.1
86.	Dibromochloromethane*	<1	µg/L	70	Us EPA Method 8260C
87.	Dichloroacetonitrile*	<0,5	µg/L	20	US EPA Method 551.1
88.	Dichloroacetic acid*	<2	µg/L	50	US EPA Method 552.2
89.	Formaldehyde*	<10	µg/L	500	US EPA Method 556
90.	Monochloramine*	<0,03	mg/L	3.000	SMEWW4500Cl.G:2023
91.	Monochloroacetic acid*	<2	µg/L	20	US EPA Method 552.2
92.	Trichloroacetic acid*	<2	µg/L	200	US EPA Method 552.2
93.	Trichloroaxetonitril*	<0,1	µg/L	1	US EPA Method 551.1

002-C
NH
NHH
JIC
IN TICH
.C
P H A N

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
94.	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	<0,02	Bq/L	0,1	TCVN 6053:2011
95.	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	<0,2	Bq/L	1,0	TCVN 6219:2011
96.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)
97.	<i>Staphylococcus aureus</i> *	0	CFU/100mL	<1	SMEWW 9213B-6c: 2023
98.	Coliform*	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019
99.	<i>E.Coli</i> *	0	CFU/100mL	<1	TCVN 6187 - 1: 2019

** Theo/As in: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER

KS. Nguyễn Văn Cường ThS. Lương Thị Thu Hương



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) onl^y.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.